

THÔNG TƯ

Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 28/7/2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017.

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.¹

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

¹ Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN)."

1.² Thông tư này quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước dưới các hình thức đề tài khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là đề tài); dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là dự án); đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ.

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo nghị định thư, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến bí mật quốc gia không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

3. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ³

1. *Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia* (sau đây gọi tắt là *đề xuất đặt hàng*) là đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia của các tổ chức, cá nhân được Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan nhà nước khác ở trung ương (sau đây gọi chung là bộ, ngành, địa phương) xem xét đặt hàng.

2. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp quốc gia* là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia do bộ, ngành, địa phương được giao quản lý đặt hàng cho tổ chức và cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

Điều 3. Căn cứ đề xuất đặt hàng⁴

1. Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, bộ, ngành, địa phương.

2. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm của quốc gia.

3. Những vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết những nhiệm vụ của quốc gia về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ hoặc các nhiệm vụ đặc biệt phát sinh theo yêu cầu của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

Điều 4. Nguyên tắc xác định đề xuất đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia⁵

1. Các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo xác định đề xuất đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp quốc gia trong phạm vi được giao quản lý.

2. Việc xác định đề xuất đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp quốc gia của các bộ, ngành, địa phương được giao quản lý phải phù hợp với định hướng, tiến độ xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện.

3. Với những đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương mình thì chủ động chuyển tới bộ, ngành, địa phương khác phù hợp với lĩnh vực quản lý được giao.

Điều 5. Trình tự xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp quốc gia⁶

1. Bộ, ngành, địa phương được giao quản lý tổng hợp đề xuất đặt hàng và tự đề xuất đặt hàng theo những căn cứ quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

2. Tổ chức xây dựng đề xuất đặt hàng được thực hiện theo trình tự quy định tại Chương III của Thông tư này.

3. Bộ, ngành, địa phương được giao quản lý tổ chức hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (gọi tắt là hội đồng hoặc hội đồng tư vấn) theo danh mục các nhiệm vụ được xem xét tại Khoản 2 Điều này và các quy định tại Chương IV của Thông tư này để xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp quốc gia.

4. Bộ, ngành, địa phương được giao quản lý, phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp quốc gia và công bố công khai để các tổ chức, cá nhân có năng lực tham gia tuyển chọn hoặc xét giao trực tiếp, đồng thời chuyển Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, quản lý.

Chương II
YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

Điều 6. Yêu cầu đối với đề tài, dự án

Đề tài, dự án phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung và yêu cầu riêng cho từng loại, cụ thể như sau:

⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

1. Yêu cầu chung

a) Có tính cấp thiết cao hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong phạm vi cả nước;

b) Các vấn đề khoa học cần phải huy động nguồn lực khoa học công nghệ (nhân lực khoa học và công nghệ hoặc nguồn tài chính) của quốc gia hoặc góp phần giải quyết những nhiệm vụ mang tính liên vùng, liên ngành; vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của quốc gia về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

c) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện.

2. Yêu cầu riêng đối với đề tài

a) Đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật (sau đây gọi là đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ) phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến: có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng ở Việt Nam; được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng;

- Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

b) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

c) Đối với đề tài trong các lĩnh vực khác: sản phẩm khoa học và công nghệ đảm bảo tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra tại Việt Nam hoặc quốc tế thông qua các công bố trong nước và quốc tế hoặc có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội.

3.⁷ Yêu cầu riêng đối với dự án

a) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có khả năng ứng dụng hoặc có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích;

⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 03/2017/TT-BKH-CN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKH-CN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017.

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt;

c) Có khả năng huy động được nguồn kinh phí từ các doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

Điều 7. Yêu cầu đối với đề án khoa học

Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

Điều 8. Yêu cầu đối với dự án khoa học và công nghệ⁸

Dự án khoa học và công nghệ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của quốc gia, ngành và địa phương hoặc để tạo ra sản phẩm phải có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu.

2. Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có khả năng lan tỏa hoặc có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực.

3. Có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách.

Điều 9⁹. (được bãi bỏ)

Chương III

TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG

Điều 10. Tổng hợp đề xuất đặt hàng¹⁰

1. Căn cứ tiến độ thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm hoặc theo tính cấp thiết, các bộ, ngành, địa phương thông báo định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của quốc gia, của bộ, ngành, địa phương mình và thời hạn gửi đề xuất đặt hàng. Đề xuất đặt hàng theo các mẫu ban hành kèm theo Thông tư này: đề tài hoặc đề án khoa học theo Mẫu A1-ĐXNV; dự án theo Mẫu A2-ĐXNV và dự án khoa học và công nghệ theo Mẫu A3-ĐXNV.

⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

⁹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

¹⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

2. Tổng hợp các đề xuất đặt hàng

a) Bộ, ngành, địa phương tổng hợp các đề xuất đặt hàng và tự đề xuất những vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết ở cấp quốc gia;

b) Bộ, ngành, địa phương lựa chọn các đề xuất đặt hàng đáp ứng các yêu cầu đặt hàng;

c) Đối với các đề xuất đặt hàng không thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của mình thì gửi bộ, ngành, địa phương được giao quản lý để xem xét đặt hàng thực hiện và thông báo cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi đề xuất.

Điều 11. Xây dựng đề xuất đặt hàng¹¹

Đối với các đề xuất đặt hàng đáp ứng các yêu cầu đặt hàng, bộ, ngành, địa phương được giao quản lý tổ chức hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ theo các quy định tại Chương IV của Thông tư này.

Điều 12¹². (được bãi bỏ)

Điều 13¹³. (được bãi bỏ)

Chương IV

TỔ CHỨC XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

Điều 14. Nội dung thể hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng

1.¹⁴ Nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng được thể hiện qua tên gọi và 02 mục: Định hướng mục tiêu và Yêu cầu đối với kết quả, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các Điều 6, 7, 8 của Thông tư này.

2. Mục Yêu cầu đối với kết quả cần bao gồm các thông số kỹ thuật, yêu cầu về số lượng, chất lượng hoặc chỉ tiêu định lượng, định tính cụ thể của sản phẩm tạo ra. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ các yêu cầu này cần được thể hiện như sau:

¹¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

¹² Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

¹³ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

¹⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

a)¹⁵ Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm ở giai đoạn tạo sản phẩm mẫu và các yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong các giai đoạn sản xuất.

b) Đối với đề tài khác: các yêu cầu tính mới và mức độ tiên tiến của sản phẩm và các yêu cầu khác.

c) Đối với dự án: các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm và quy mô sản xuất thử nghiệm.

d) Đối với đề án khoa học: các yêu cầu về tính khoa học và tính thực tiễn của sản phẩm và các yêu cầu khác.

đ) Đối với dự án khoa học và công nghệ: các sản phẩm khoa học công nghệ cùng với các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng đảm bảo sự gắn kết và tính đồng bộ theo quy trình sản xuất hoặc chuỗi thời gian.

e)¹⁶ (được bãi bỏ)

Điều 15. Thành lập hội đồng tư vấn¹⁷

Thủ trưởng các bộ, ngành, địa phương được giao quản lý quyết định thành lập Hội đồng tư vấn theo chuyên ngành khoa học và công nghệ phù hợp với lĩnh vực của đề xuất đặt hàng. Hội đồng có thể tư vấn cho một hoặc một số đề xuất đặt hàng trong cùng lĩnh vực hoặc chuyên ngành khoa học và công nghệ.

Điều 16. Thành phần hội đồng tư vấn¹⁸

1. Hội đồng tư vấn có từ 05 đến 09 thành viên, bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch và các thành viên. Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng và thành viên của hội đồng tư vấn là các chuyên gia khoa học và công nghệ, chuyên gia kinh tế hoặc cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu. Trong đó ít nhất 02 thành viên có chuyên môn sâu trong hội đồng làm chuyên gia phản biện cho mỗi đề xuất đặt hàng.

2. Thủ trưởng các bộ, ngành, địa phương, căn cứ nội dung của đề xuất đặt hàng quyết định số lượng thành viên và thành phần của hội đồng phù hợp với quy định tại Khoản 1 của Điều này.

¹⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

¹⁶ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

¹⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

¹⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

3. Đối với các đề xuất đặt hàng phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, Thủ trưởng bộ, ngành, địa phương có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với quy định tại các khoản 1 và 2 của Điều này.

Điều 17. Phương thức làm việc của hội đồng tư vấn¹⁹

1. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 05 thành viên của hội đồng (đối với hội đồng được thành lập có từ 05 đến 07 thành viên) hoặc ít nhất 2/3 thành viên của hội đồng (đối với hội đồng được thành lập có trên 07 thành viên), trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được chủ tịch hội đồng ủy quyền, các chuyên gia phản biện.

2. Thành viên hội đồng tư vấn có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu tài liệu do bộ, ngành, địa phương cung cấp và nhận xét, đánh giá đề xuất đặt hàng theo mẫu quy định ban hành kèm theo thông tư này: Mẫu B1-TVHD đối với đề tài, dự án; Mẫu B2-TVHD đối với đề án khoa học và Mẫu B3-TVHD đối với dự án khoa học và công nghệ;

b) Các chuyên gia phản biện có trách nhiệm chỉnh sửa hoặc xây dựng các nội dung mới cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ dự kiến đặt hàng để thảo luận trong cuộc họp của hội đồng.

3. Tài liệu được gửi đến các thành viên hội đồng ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp hội đồng. Tài liệu gồm:

a) Đề xuất đặt hàng;

b) Trích lục yêu cầu quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 14 của Thông tư này;

c) Các biểu mẫu, phụ lục cần thiết phù hợp với đề xuất đặt hàng nêu tại khoản 2 Điều này;

d) Kết quả tra cứu thông tin của các đề tài, dự án sử dụng ngân sách nhà nước có liên quan đã và đang thực hiện đối với đề xuất đặt hàng dưới hình thức đề tài, dự án theo Mẫu C0-TCTT ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Tài liệu chuyên môn liên quan khác (nếu có).

4. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức bỏ phiếu.

5. Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học của hội đồng tổng hợp để hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của hội đồng. Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của hội đồng.

6. Bộ, ngành, địa phương cử thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu

¹⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

và tổ chức các phiên họp của hội đồng.

Điều 18. Trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập hội đồng.
 - 2.²⁰ Đại diện bộ, ngành, địa phương tóm tắt các yêu cầu đối với hội đồng.
 3. Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp của hội đồng. Trường hợp Chủ tịch hội đồng vắng mặt, Chủ tịch hội đồng ủy quyền bằng văn bản cho phó Chủ tịch chủ trì phiên họp.
 4. Hội đồng cử hoặc bầu một thành viên làm thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản các phiên họp của hội đồng.
 5. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu để tổng hợp ý kiến của các thành viên hội đồng.
 6. Chuyên gia phản biện và hội đồng thảo luận theo các nội dung tương ứng với hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại các điều 19, 20, 21, và 22 Thông tư này.
 7. Các thành viên hội đồng đánh giá đề xuất đặt hàng và bỏ *Phiếu đánh giá* đề xuất đặt hàng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này: *Mẫu C1-PDG* đối với đề tài, dự án; *Mẫu C2-PDG* đối với đề án khoa học; *Mẫu C3-PDG* đối với dự án khoa học và công nghệ và *Mẫu C4-PDG* đối với chương trình.
- Đề xuất đặt hàng* được đề nghị “thực hiện” khi tất cả các nội dung trong *Phiếu đánh giá* được đánh giá “đạt yêu cầu” và đề nghị “không thực hiện” khi một trong các nội dung trên được đánh giá “không đạt yêu cầu”.
8. Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên hội đồng theo *Mẫu C5-BBKP* ban hành kèm theo Thông tư này và công bố công khai kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp của hội đồng.
 9. Đối với *đề xuất đặt hàng* được đề nghị “thực hiện”, các chuyên gia phản biện trình bày các nội dung dự kiến của nhiệm vụ khoa học công nghệ đặt hàng. Hội đồng chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các mục của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo các yêu cầu quy định tại Điều 14 Thông tư này.
 10. Đối với đề tài, dự án, đề án khoa học và dự án khoa học công nghệ đặt hàng, Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp), kể cả việc mời chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài cùng tham gia nghiên cứu giải quyết nhiệm vụ.
 11. Đối với *đề xuất đặt hàng* được đề nghị “không thực hiện” hội đồng thống nhất ý kiến đánh giá về lý do không đề nghị thực hiện.
 12. Hội đồng tiến hành xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho từng đề xuất đặt hàng theo các bước quy định tại các khoản 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều này trong trường hợp có 02 hoặc nhiều *đề xuất đặt hàng* và biểu quyết việc

²⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

xếp thứ tự ưu tiên cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng.

13. Thư ký khoa học lập biên bản làm việc của hội đồng theo Mẫu D1-BBHD ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 19. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định đề tài, dự án

Các chuyên gia phản biện và hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá *đề xuất đặt hàng* về các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài, dự án trong đề xuất đặt hàng.
2. Tính liên ngành, liên vùng và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra trong nhiệm vụ đề xuất.
3. Khả năng không trùng lặp của đề tài, dự án với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện.
4. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực khoa học và công nghệ quốc gia cho việc thực hiện đề tài, dự án.
5. Khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện đối với dự án.

Điều 20. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định đề án khoa học

Các chuyên gia phản biện và hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá *đề xuất đặt hàng* về các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết và triển vọng ứng dụng của các kết quả vào việc xây dựng và hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý.
2. Tính liên ngành, liên vùng của vấn đề khoa học đặt ra trong đề xuất đặt hàng.
3. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực quốc gia cho việc thực hiện đề án khoa học.

Điều 21. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định dự án khoa học và công nghệ

Các chuyên gia phản biện và hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá *đề xuất đặt hàng* về các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết và mục tiêu của đề xuất đặt hàng trong việc sản xuất các sản phẩm trọng điểm chủ lực của bộ, ngành địa phương và của quốc gia.
2. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực quốc gia cho việc thực hiện đề xuất đặt hàng.
3. Tính khả thi của dự án khoa học và công nghệ thể hiện qua các nội dung đặt ra trong đề xuất đặt hàng.

Điều 22.²¹ (được bãi bỏ)

²¹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

Điều 23. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp quốc gia²²

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng, bộ, ngành, địa phương được giao quản lý phân công Vụ trưởng các vụ hoặc thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc rà soát trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng, xem xét các ý kiến tư vấn của hội đồng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo các yêu cầu nêu tại các Điều 6, 7, 8 của Thông tư này. Trường hợp cần thiết bộ, ngành, địa phương được giao quản lý lấy ý kiến tư vấn của 01 đến 02 chuyên gia tư vấn độc lập trong nước, nước ngoài hoặc thành lập hội đồng khác để xác định lại nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Trên cơ sở kết quả rà soát và ý kiến tư vấn (nếu có) quy định tại Khoản 1 Điều này, bộ, ngành, địa phương được giao quản lý, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, bộ, ngành, địa phương công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng trên cổng thông tin điện tử của bộ, ngành, địa phương để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng bộ, ngành, địa phương được giao quản lý thông báo công khai kết quả xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với những đề xuất đặt hàng không được phê duyệt trên cổng thông tin điện tử của mình để các tổ chức và cá nhân biết.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH²³

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2014 và thay thế Thông tư 06/2012/TT-BKHHCN ngày 12/03/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể vận dụng hướng dẫn tại

²² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017

²³ Điều 3 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2017 quy định như sau:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2017.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./”

Thông tư này ban hành qui định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành và địa phương mình.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi bổ sung./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 03 /VBHN-BKHCN

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2017

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo)
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHTH, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Khánh